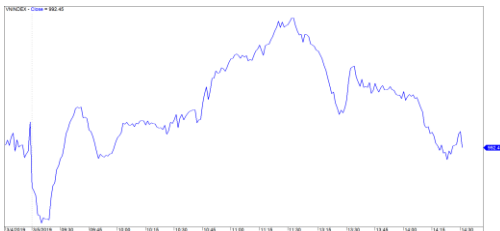


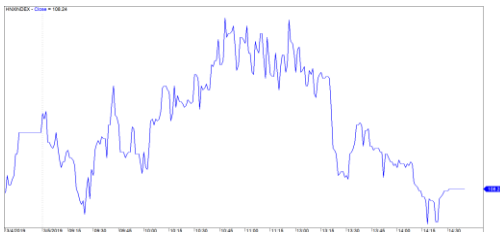
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	992.45	108.24	55.98
% ngày	-0.15%	-0.27%	-0.11%
% tuần	0.55%	0.54%	0.72%
% tháng	9.22%	4.74%	2.13%
% năm	-9.24%	-13.76%	-7.38%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	5,781	702	290
TB 1 tuần	4,896	650	345
TB 1 tháng	4,471	555	322
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,158.42	57.82	26.72
Bán	1,065.30	9.61	15.06
Giá trị ròng	93.12	48.20	11.65
Độ rộng TT			
Mã Tăng	158	75	151
Mã Giảm	148	71	101
Không Đổi	76	235	603
Chỉ số chính			
P/E	16.92	10.15	17.25
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,262	203	994
LS Cổ tức	2.89%	4.02%	4.70%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á ngoại trừ những thị trường Trung Quốc, Hongkong, Ấn Độ và Thái Lan vẫn có giữ chỉ số ở sắc xanh thì nhiều thị trường khác đều chịu áp lực bán khiến chỉ số có sự điều chỉnh nhẹ. Trong phiên giao dịch không có nhiều biến động lớn tại thị trường chung.

Chỉ số VN-Index vẫn chưa vượt được mức tâm lý 1,000 điểm mặc dù trong phiên chỉ số đã nhiều lần chạm mức nhưng vẫn chịu áp lực bán mạnh. Đóng cửa phiên chiều, chỉ số VN-Index giảm nhẹ 1.54 điểm xuống còn 992.45 điểm, thanh khoản đạt 5933.37 tỷ đồng. Tình hình trên HNX cũng không khác gì nhiều, kết thúc phiên chỉ số HNX-Index giảm xuống còn 108.24 điểm. Chỉ số Upcom-Index đạt 55.98 điểm tăng nhẹ 0.06 điểm.

Thị trường được khối ngân hàng và dầu khí dẫn dắt tuy nhiên cuối phiên đã suy giảm. Cụ thể là các mã TCB, ACB, TPB, PVD, PVS lại nhuộm sắc đỏ khi đóng cửa. YEG tiếp tục bị bán khá mạnh trong hôm nay sau khi có thông tin công ty này bị Youtube chấm dứt thỏa thuận lưu trữ nội dung. Ở chiều ngược lại, các mã BID, GAS, PGI, PPC, CTG đã hoạt động rất tích cực vào phiên chiều tìm hãm đà giảm của VN-Index.

Khối nhà đầu tư nước ngoài mua ròng cả 3 sàn với tổng giá trị gần 153 tỷ đồng. Trên sàn HSX, sau 3 phiên bán ròng thì NĐTNN đã quay lại mua ròng hơn 93 tỷ đồng và tập trung tại CCQ E1VFN30 và các mã Largecaps như VRE, HPG, HBC, VCB. Sàn HNX được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 48.2 tỷ đồng tương ứng với 1.85 triệu CP. Hôm nay khối ngoại giao dịch khá tích cực về lượng mua bán lớn như lượng thỏa thuận của GMD và VNM.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ điều chỉnh trong phiên giao dịch kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể điều chỉnh về mức 980 điểm và biến động hẹp quanh vùng giá này trong vài phiên tới. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy và tâm lý nhà đầu tư cũng đã thận trọng hơn. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền đầu cơ tiếp tục gia tăng, nhưng áp lực bán lại gia tăng ở nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ nhưng mức tỷ trọng này đang giao dịch gần vùng 70 – 80% cho nên vị thế mua cần nên đặt kỳ vọng và thời gian nắm giữ ngắn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 999.54 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức chốt lỗ ở mức 105.28 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục nắm giữ và vị thế mua mới cần nên đặt mức kỳ vọng thấp và thời gian nắm giữ ngắn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 67% cổ phiếu/33% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

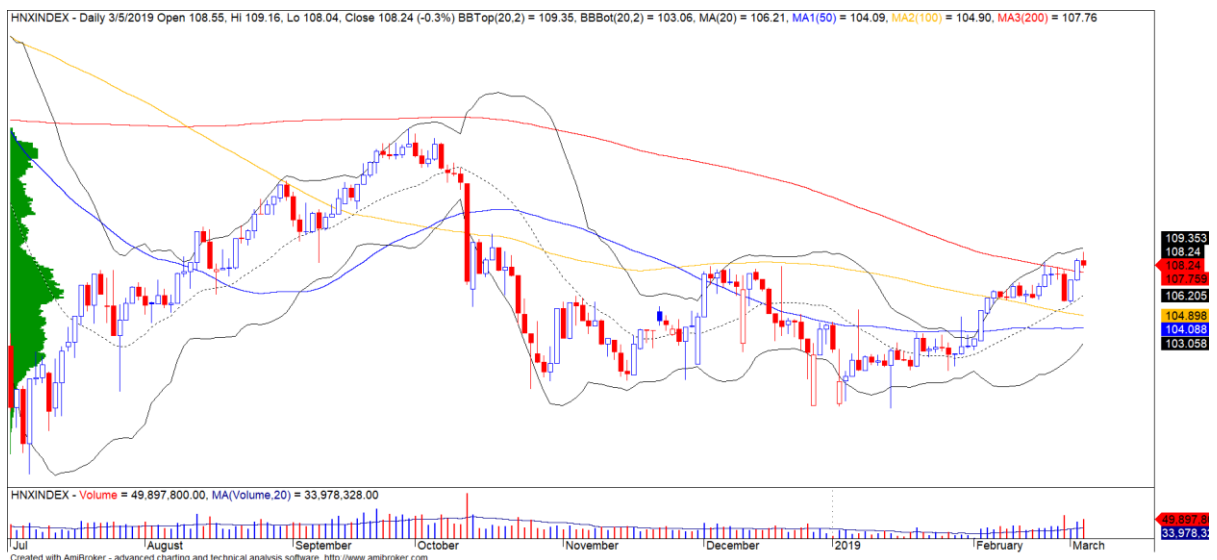


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,600	TĂNG	GIẢM	15,400	15,141	7.79%			16,605		
ACB	30,300	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	0.33%			33,291		
ACV	88,600	TĂNG	TĂNG	88,300	86,517	0.34%		90,000	78,184	-1.56%	
ANV	28,700	TĂNG	GIẢM	27,200	27,471	5.51%			31,024		
ASM	8,350	GIẢM	GIẢM		8,614				9,351		
BFC	22,200	GIẢM	GIẢM		22,465				25,187		
BID	34,600	TĂNG	TĂNG	34,600	34,446	0.00%	MUA	33,400	29,888	3.59%	
BMP	54,000	TĂNG	GIẢM	50,800	50,737	6.30%			54,542		
BSR	14,500	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	10.69%			15,250		
BVH	98,300	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	4.13%		86,000	88,082	14.30%	
BWE	25,700	TĂNG	TĂNG	25,700	25,537	0.00%	MUA	20,000	22,133	28.50%	
CEO	14,000	TĂNG	GIẢM	13,500	13,159	3.70%			14,755		
CHP	23,000	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.23%		23,000	20,825	0.00%	
CII	22,900	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	-6.72%			25,832		
CMX	16,100	GIẢM	TĂNG		17,238			5,910	13,022	172.42%	
CSM	14,850	GIẢM	TĂNG		15,214			14,390	13,911	3.19%	
CTD	133,500	GIẢM	GIẢM		139,810				152,745		
CTG	21,250	TĂNG	GIẢM	19,550	20,277	8.70%			22,209		
CTI	25,500	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-1.54%		26,850	23,186	-5.03%	
CVT	24,400	TĂNG	TĂNG	19,900	22,452	22.61%		22,550	19,525	8.20%	
DCM	9,330	TĂNG	GIẢM	9,200	8,877	1.41%			9,978		
DGC	45,200	TĂNG	GIẢM	44,000	41,662	2.73%			47,020		
DGW	23,200	TĂNG	GIẢM	23,300	23,125	-0.43%			25,127		
DHA	34,050	TĂNG	TĂNG	32,250	31,984	5.58%		29,100	28,741	17.01%	
DHC	34,000	TĂNG	GIẢM	32,700	32,821	3.98%		35,200	34,601	-1.70%	MUA
DHG	118,600	TĂNG	TĂNG	77,500	111,940	53.03%		93,000	85,322	27.53%	
DIG	16,850	TĂNG	TĂNG	16,000	16,171	5.31%			16,496		
DPG	47,150	TĂNG	GIẢM	46,800	44,254	0.75%			52,441		
DPM	20,800	GIẢM	TĂNG		21,543			19,400	19,804	7.22%	
DPR	40,800	TĂNG	TĂNG	32,600	38,698	25.15%		35,950	35,774	13.49%	
DQC	27,000	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-2.53%		31,000	26,186	-12.90%	
DRC	23,150	TĂNG	GIẢM	22,200	21,532	4.28%			24,379		
DXG	25,600	TĂNG	GIẢM	24,700	24,329	3.64%			26,665		
EIB	17,350	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	-2.53%		14,700	16,280	18.03%	
FCN	15,700	TĂNG	TĂNG	13,900	14,265	12.95%			15,658		
FMC	28,750	GIẢM	TĂNG		30,957			24,700	27,888	16.40%	
FPT	44,900	GIẢM	GIẢM		45,823				45,324		
GAS	104,000	TĂNG	TĂNG	89,900	97,790	15.68%			100,384		
GEX	24,000	GIẢM	GIẢM	22,600	24,138	6.80%	BÁN	24,700	24,673	-0.11%	MUA
GIL	39,500	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	1.28%	

We Create Fortune

GMD	27,700	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	0.73%		29,123			
GTN	15,100	TĂNG	TĂNG	10,400	13,916	45.19%		15,000	11,796	0.67%	MUA
HAG	6,080	TĂNG	TĂNG	5,080	5,468	19.69%		5,650	5,603	7.61%	MUA
HAX	17,250	TĂNG	GIẢM	17,200	16,310	0.29%			17,965		
HBC	20,800	TĂNG	TĂNG	16,800	19,302	23.81%		20,250	19,374	2.72%	MUA
HCM	29,100	GIẢM	TĂNG		31,441			28,000	22,523	3.93%	
HDB	30,700	TĂNG	GIẢM	31,000	29,573	-0.97%			33,267		
HDC	14,350	GIẢM	GIẢM		14,618				14,709		
HDG	40,700	TĂNG	TĂNG	35,950	38,787	13.21%		37,400	32,495	8.82%	
HNG	16,000	TĂNG	GIẢM	15,100	14,971	5.96%			16,554		
HPG	35,050	TĂNG	TĂNG	29,500	33,040	18.81%		33,900	27,792	3.39%	
HSG	9,910	TĂNG	TĂNG	6,860	8,876	44.46%		9,300	8,479	6.56%	MUA
HT1	16,400	TĂNG	TĂNG	14,150	15,179	15.90%		14,800	13,681	10.81%	
HUT	4,100	TĂNG	GIẢM	3,800	3,328	7.89%			4,302		
HVN	42,600	TĂNG	TĂNG	42,900	38,842	-0.70%		39,000	34,635	9.23%	
KBC	14,800	TĂNG	TĂNG	14,250	14,213	3.86%		13,450	13,032	10.04%	
KDH	31,850	TĂNG	TĂNG	31,200	30,767	2.08%		33,000	28,037	-3.48%	
KSB	29,250	TĂNG	TĂNG	26,300	27,252	11.22%		28,900	27,640	1.21%	MUA
LCG	10,250	TĂNG	TĂNG	8,230	9,846	24.54%		9,200	7,868	11.41%	
LDG	14,650	TĂNG	GIẢM	14,950	13,443	-2.01%			16,835		
LHG	20,550	TĂNG	GIẢM	20,550	20,203	0.00%	MUA		20,947		
LPB	9,200	TĂNG	GIẢM	9,100	8,687	1.10%			9,825		
LSS	6,010	GIẢM	GIẢM		6,386				7,260		
MBB	22,150	GIẢM	TĂNG		22,439			21,850	19,807	1.37%	
MPC	45,000	GIẢM	TĂNG		48,541			47,500	39,995	-5.26%	
MSN	89,400	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	8.63%		89,000	88,530	0.45%	MUA
MSR	19,700	GIẢM	GIẢM		19,914				20,804		
MWG	87,800	GIẢM	GIẢM		90,314				92,376		
NDN	14,000	TĂNG	TĂNG	12,500	11,773	12.00%			13,356		
NKG	7,950	TĂNG	TĂNG	6,580	7,426	20.82%			7,821		
NLG	27,000	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	3.45%			28,488		
NT2	28,950	GIẢM	TĂNG		29,807			25,900	26,915	11.78%	
NTL	17,850	GIẢM	TĂNG		19,167			10,450	16,285	70.81%	
NVL	58,800	GIẢM	GIẢM		60,993				63,950		
OIL	14,800	GIẢM	GIẢM		15,202				16,188		
PAC	37,500	TĂNG	GIẢM	38,000	36,110	-1.32%			40,378		
PC1	23,600	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195		
PDR	26,750	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	2.29%			27,684		
PHR	45,700	TĂNG	TĂNG	29,300	43,243	55.97%		24,000	34,587	90.42%	
PLX	59,400	TĂNG	GIẢM	60,400	56,844	-1.66%			60,986		
PNJ	100,100	GIẢM	GIẢM		101,001				101,983		
POW	16,800	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	1.51%	
PPC	24,000	TĂNG	TĂNG	18,550	22,899	29.38%		19,700	21,245	21.83%	
PTB	63,900	TĂNG	TĂNG	60,200	61,134	6.15%		64,000	56,808	-0.16%	
PVD	18,300	TĂNG	TĂNG	15,500	16,978	18.06%			17,923		
PVI	35,900	TĂNG	TĂNG	32,900	33,911	9.12%		33,000	30,368	8.79%	

We Create Fortune

PVS	21,700	TĂNG	TĂNG	18,900	20,268	14.81%		21,100	20,919	2.84%	MUA
PXS	4,570	TĂNG	GIẢM	4,280	3,871	6.78%			4,874		
QNS	42,800	GIẢM	TĂNG		43,539			41,500	3,468	3.13%	
REE	33,750	GIẢM	TĂNG		34,350			35,100	30,633	-3.85%	
SAB	243,500	GIẢM	TĂNG		249,437			245,000	227,704	-0.61%	
SAM	7,300	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	2.96%		7,400	6,782	-1.35%	
SCR	7,840	TĂNG	GIẢM	7,750	7,398	1.16%			8,128		
SHI	8,340	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	21.75%		6,990	7,199	19.31%	
SJS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	17.02%		18,100	18,742	21.55%	
SKG	15,300	TĂNG	GIẢM	15,400	14,549	-0.65%			17,457		
SSI	28,800	TĂNG	GIẢM	26,900	27,661	7.06%			29,029		
STB	12,700	GIẢM	TĂNG		13,155			13,000	11,486	-2.31%	
TCB	26,800	GIẢM	GIẢM		27,680				N/A		
TCM	31,900	TĂNG	TĂNG	24,350	31,185	31.01%		28,000	24,233	13.93%	
TDH	11,600	TĂNG	TĂNG	10,300	11,169	12.62%		11,650	11,264	-0.43%	MUA
TLH	5,570	TĂNG	GIẢM	5,000	5,061	11.40%			5,686		
TNG	21,200	TĂNG	TĂNG	18,000	19,892	17.78%		12,000	15,917	76.67%	
VCB	63,000	GIẢM	TĂNG		64,091			62,000	54,738	1.61%	
VCG	28,200	TĂNG	TĂNG	25,100	26,549	12.35%		19,200	21,527	46.88%	
VFG	37,500	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	9.03%	
VGC	21,800	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	33.74%		19,100	17,592	14.14%	
VGT	12,000	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	3.45%			13,091		
VHC	98,100	TĂNG	GIẢM	97,200	92,005	0.93%			105,200		
VHM	91,000	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	77,013	13.75%	
VIB	18,900	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	5.00%			19,666		
VIC	117,300	TĂNG	TĂNG	109,100	112,845	7.52%		112,000	103,378	4.73%	
VIP	7,490	TĂNG	TĂNG	7,000	7,192	7.00%		7,350	6,632	1.90%	
VJC	120,000	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	17,600	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	4.76%			18,694		
VNG	21,950	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	19.94%		16,008	20,392	37.12%	
VNM	142,000	GIẢM	TĂNG		149,009			140,200	131,810	1.28%	
VPB	21,400	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	5.94%			22,887		
VPI	41,350	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	17,600	GIẢM	GIẢM		18,159				19,388		
VRE	34,200	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	12.50%		35,000	28,512	-2.29%	
VSC	43,300	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	1.41%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	992.45	-0.15%
VN30	923.66	-0.51%
VN Mid	1,028.36	-0.11%
VN Small	815.66	0.38%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.24	-0.27%
HN30	200.35	-0.42%
VNX AllSh	897.96	-0.47%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	55.98	-0.11%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,158.42	
Bán	1,065.30	
GT rỗng	93.12	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	57.82	
Bán	9.61	
GT rỗng	48.20	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	26.72	
Bán	15.06	
GT rỗng	11.65	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TTF	220	6.88%
HQC	90	6.38%
FIT	180	5.94%
KDC	1100	5.31%
PPC	1100	4.80%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	300	7.89%
PVX	100	6.25%
NDN	800	6.06%
DGC	800	1.80%
L14	600	1.37%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	800	4.23%
SDI	2200	3.69%
BSR	400	2.84%
CTR	400	1.90%
LPB	100	1.10%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-15900	-6.98%
MSH	-2300	-4.15%
TCM	-1350	-4.06%
TVB	-550	-2.58%
EIB	-450	-2.53%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	-1200	-4.76%
AMV	-1000	-3.03%
CEO	-300	-2.10%
SHS	-200	-1.67%
NRC	-400	-1.44%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGI	-1000	-4.35%
VGT	-200	-1.64%
MPC	-700	-1.53%
SWC	-200	-1.23%
QNS	-400	-0.93%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	374,696	
VHM	312,175	
VNM	248,847	
VCB	232,918	
GAS	197,137	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,914	
VCG	12,324	
VCS	10,600	
PVS	10,420	
VGC	9,909	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	193,427	
VEA	66,859	
MCH	63,492	
HVN	59,938	
VGI	51,511	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
FLC	19,170,800	9,098,434
ITA	14,338,640	3,169,737
GMD	14,105,226	994,304
VPB	13,151,170	3,183,493
HAG	12,189,820	6,892,123

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HUT	6,021,005	1,654,767
VGC	5,723,154	5,527,072
NVB	5,277,700	903,208
SHB	5,274,228	6,071,704
PVX	4,858,473	1,861,243

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	4,438,870	1,684,936
LPB	3,275,011	927,306
HVN	1,401,465	1,009,460
OIL	779,496	468,663
VGT	659,091	1,028,653

Nguồn: Bloomberg & YSVN

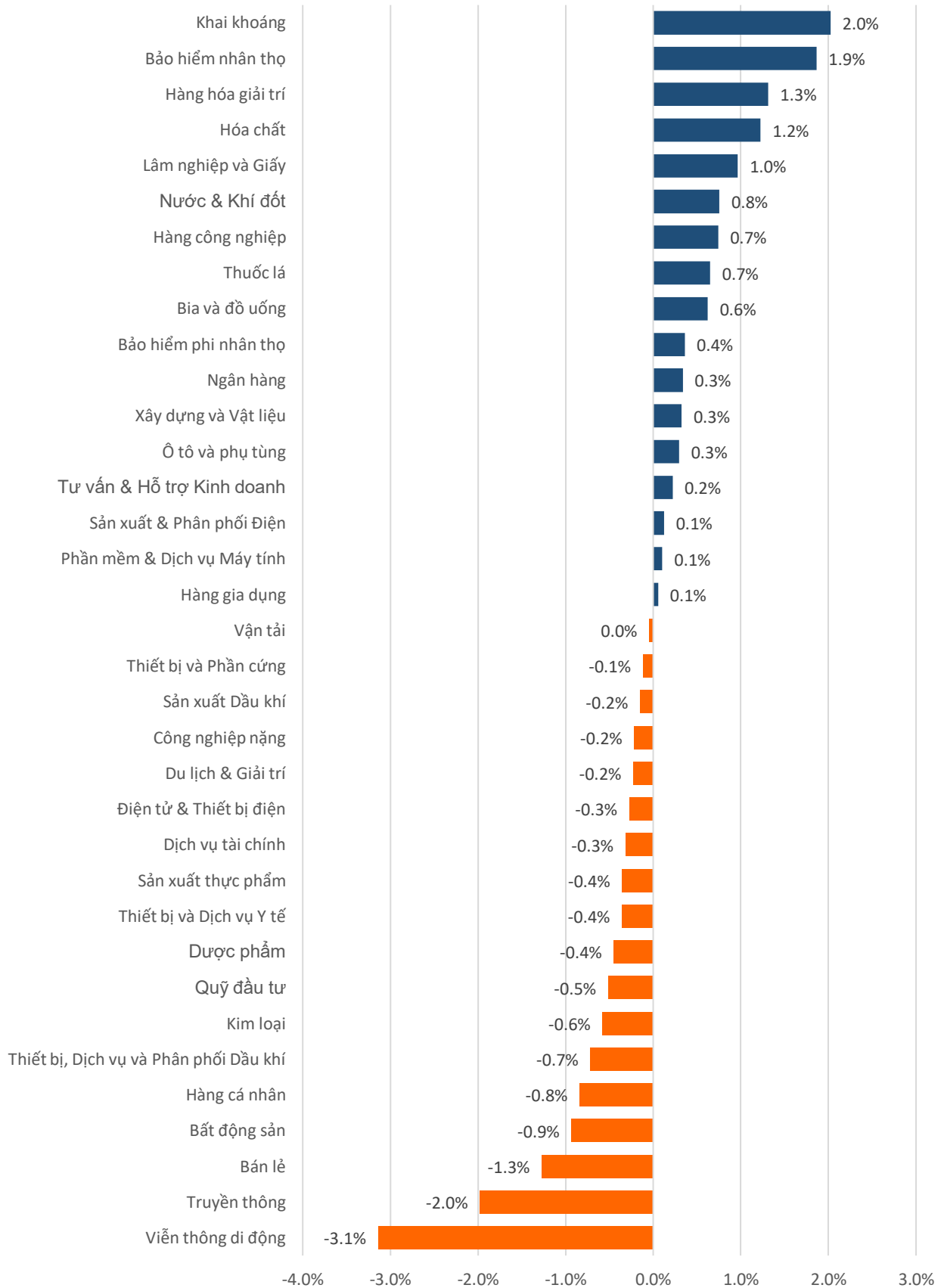
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



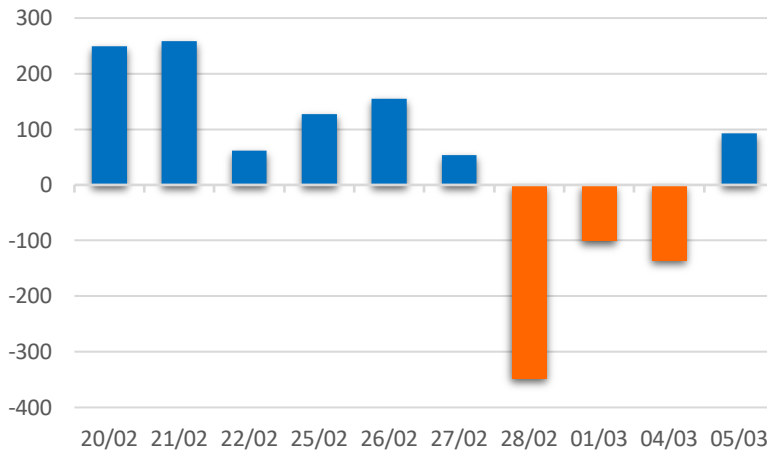
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

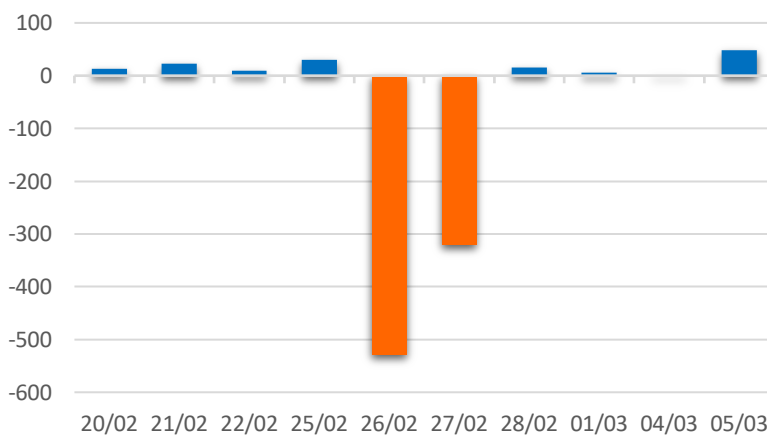
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	46,440	VHM	39,170
VRE	34,252	VJC	32,978
HPG	34,225	NBB	26,278
HBC	31,636	CII	18,196
VCB	28,463	MSN	13,303

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

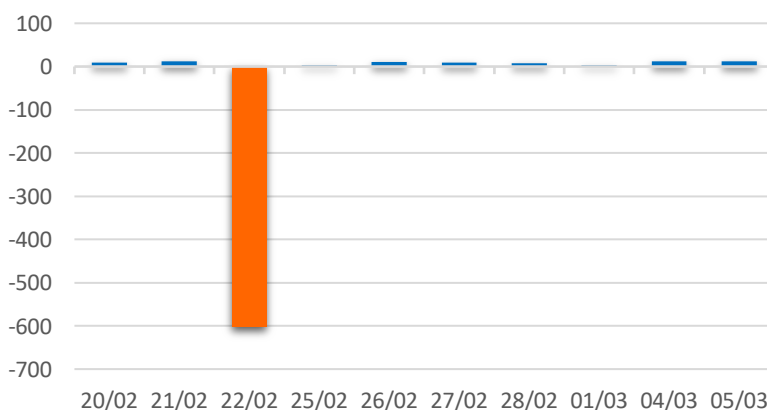
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VGC	28,815	BCC	2,866
PVS	26,411	SHS	1,116
S55	120	DBC	1,080
PJC	103	PVC	592
BTW	94	HGM	391

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	5,297	ACV	1,596
VTP	3,995	LTG	468
VEA	1,555	NTC	162
HVN	1,349	TRS	103
GEG	497	MSR	39

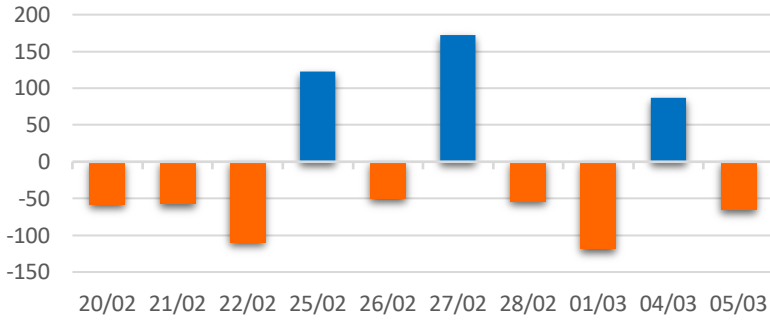
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

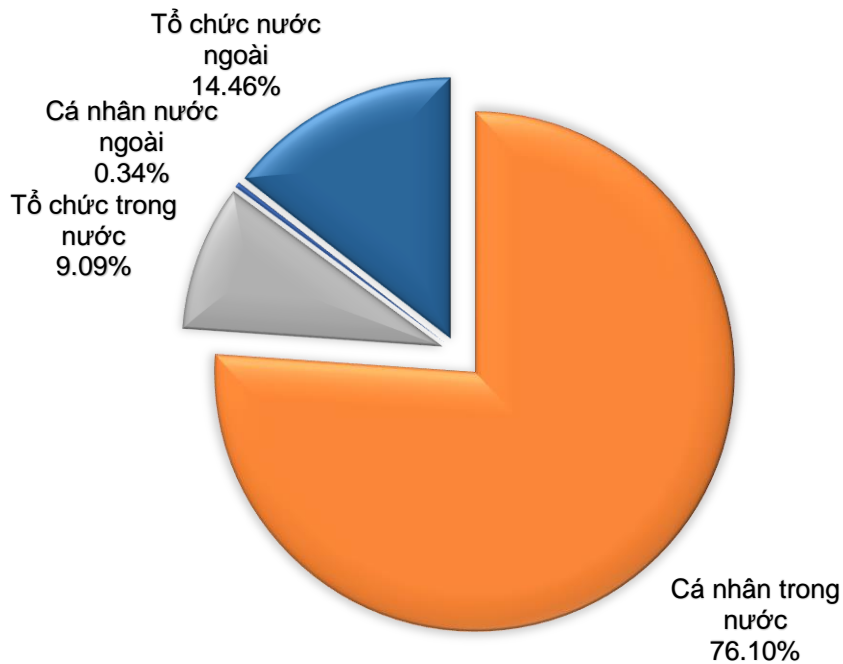
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VIC	24,020	VHM	85,564
SSI	16,664	E1VFN30	45,005
MBB	13,938	TCB	12,092
VHM	9,486	VIC	10,319
MSN	8,814	FPT	4,255

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

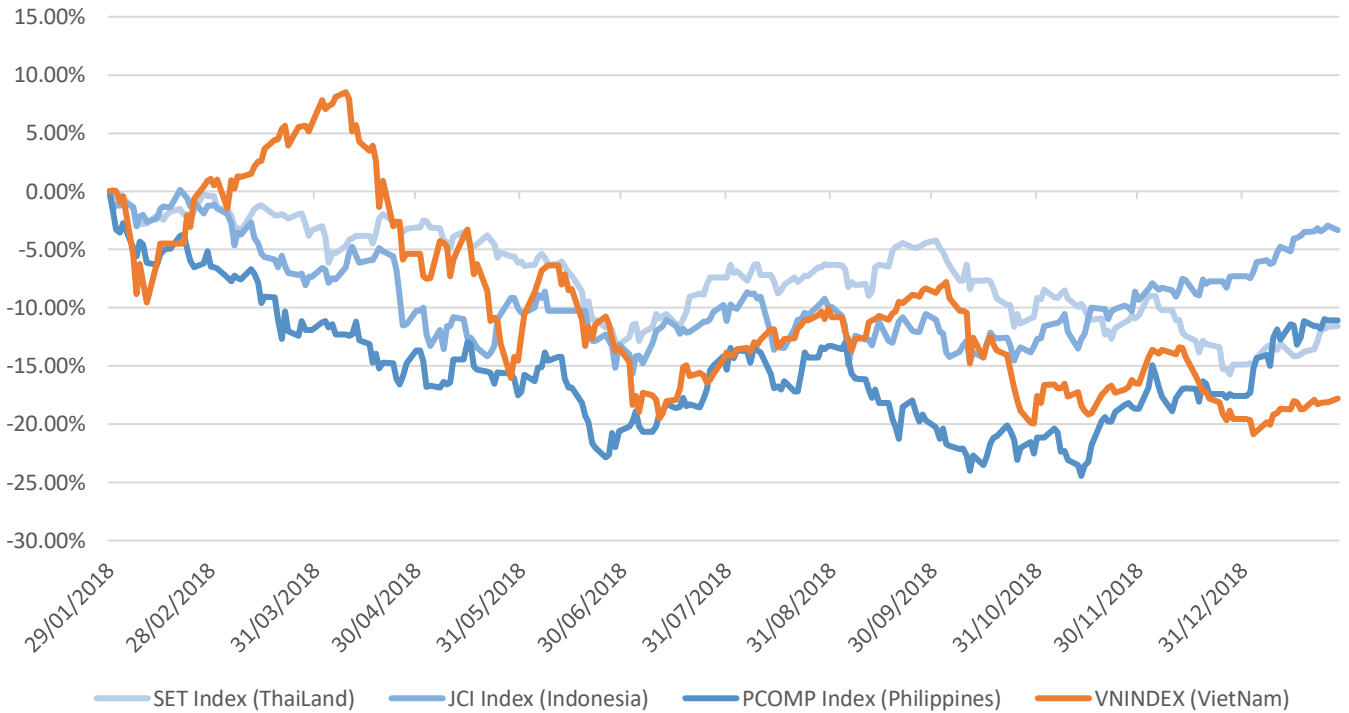


Nguồn: FinPro – YSVN



We Create **Fortune**

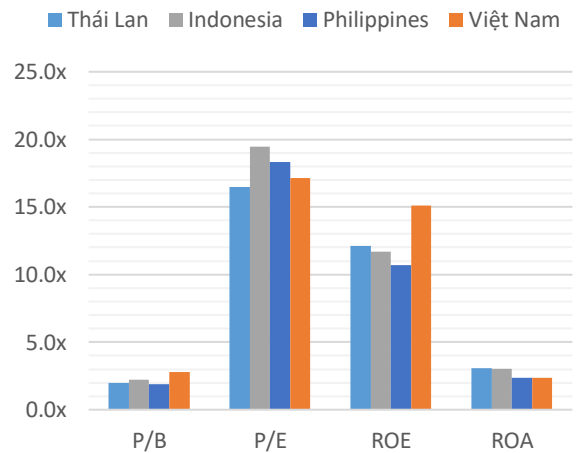
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written